

Bản án số: 178/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2022

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Xuân Lộc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Đình Đạt.

Ông Nguyễn Hồng Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Văn Thìn – Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2022/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2022/QĐ-ST ngày 19/8/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 12/01/2001 (chị A có đơn xin xét xử vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: thôn M, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang ở tại: Bản Đ, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 06/10/1990 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: thôn M, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ.

Địa chỉ cư trú cuối cùng của Anh T tại Việt Nam: thôn M, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn ngày 15/9/2021 tại Ủy ban nhân dân xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang nơi Anh T đăng ký hộ khẩu thường trú. Trước khi kết hôn anh, chị được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa

phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận. Tháng 02/2022 Anh T đi xuất khẩu lao động tại Philippines. Sau khi sang Philippines một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng sống xa cách lâu ngày dẫn tới bất đồng quan điểm sống. Tháng 3 năm 2022 chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Trong thời gian mâu thuẫn vợ chồng nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Kể từ tháng 3 năm 2022 đến nay chị và Anh T không còn gọi điện hỏi thăm sức khỏe của nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Tại biên bản làm việc ngày 05/9/2022 và 15/9/2022, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn S là bố mẹ đẻ anh Nguyễn Văn T cung cấp Anh T hiện nay đang đi xuất khẩu lao động tại Philippines. Về quan hệ hôn nhân của Anh T, chị Kim A: Anh T và chị Kim A đăng ký kết hôn ngày 15/9/2021 tại Ủy ban nhân dân xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang nơi Anh T đăng ký hộ khẩu thường trú. Trước khi kết hôn anh, chị được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận. Tháng 02/2022 Anh T đi xuất khẩu lao động tại Philippines. Sau khi sang Philippines một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng sống xa cách lâu ngày dẫn tới bất đồng quan điểm sống. Tháng 3 năm 2022 chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Ông, bà đã khuyên bảo anh, chị bỏ qua mâu thuẫn để về chung sống, nhưng anh chị không đồng ý. Anh T, chị Kim A chưa có con chung, về tài sản chung và công nợ của anh, chị đều không có. Anh T vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng Anh T không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của Anh T tại Philippines.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Kim A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Nguyễn Thị Kim A; Biên bản làm việc với bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn T và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn chị Kim

A có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn Anh T không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với Anh T. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt Anh T là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56 khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim A.

Xử cho chị Nguyễn Thị Kim A được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung, tài sản, công nợ chung: Không có, chị Kim A không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo Công văn trả lời số 18209/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 31/8/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, Anh T xuất cảnh gần đây nhất là ngày 17/02/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, Anh T được xác định là đang ở nước ngoài. Căn cứ lời khai của nguyên đơn chị Kim A, ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị L là bố mẹ đẻ Anh T xác định được nơi cư trú cuối cùng của Anh T ở Việt Nam trước khi xuất cảnh lần gần nhất là: thôn M, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Anh T, chị Kim A đều có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Thị Kim A khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn T, anh, chị chưa có con chung. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn”.

[2]. Về sự vắng mặt đương sự: Chị Nguyễn Thị Kim A là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Kim A.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố mẹ đẻ của Anh T là ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị L để giao thông báo thụ lý vụ án và đề nghị ông, bà thông báo cho Anh T biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý

giải quyết vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị Kim A và anh Nguyễn Văn T. Ông Sứ, bà Liên cho biết Anh T vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng Anh T không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của Anh T tại Philippines. Nhận thấy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim A và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 15/9/2021 tại Ủy ban nhân dân xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị Kim A xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn Anh T.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim A với anh Nguyễn Văn T. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị Kim A và Anh T chung sống với nhau hòa thuận. Tháng 02 năm 2022 Anh T đi xuất khẩu lao động tại Philippines. Sau khi Anh T sang Philippines một thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Tháng 3 năm 2022 chị Kim A chuyển về nhà bố mẹ để sinh sống. Kể từ tháng 3 năm 2022 đến nay do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Chị Kim A xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và Anh T được ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, hiện tại chị Kim A đang ở Việt Nam còn Anh T đang ở Philippines, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Kim A, cho chị Kim A được ly hôn Anh T là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị Kim A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tổ tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim A được ly hôn anh Nguyễn Văn T.
2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim A phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000552 ngày 19/8/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị Kim A đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị Kim A vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn T hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Xuân Lộc

